TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **05**/2019/QĐST-DS	*Mỏ Cày Bắc, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc các đương sự tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2018/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thành phố L, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ giao trả cho chị Phạm Thị Q phần đất có diện tích 390,3 m^2 (trong đó có 150 m^2 đất ở tại nông thôn) thuộc thửa 184B (thuộc 1 phần thửa 184), tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02914 ngày 18/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho chị Phạm Thị Q. Vị trí và tứ cận thửa đất được thể hiện trên họa đồ hiện trạng quyền sử dụng đất kèm theo.

Ghi nhận chị Phạm Thị Q đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn H được toàn quyền sử dụng phần đất có diện tích 411,9 m^2 (trong đó có 150 m^2 đất ở tại nông thôn) thuộc thửa 184A, (một phần thửa 184), tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02914 ngày 18/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho chị Phạm Thị Q. Vị trí và tứ cận thửa đất được thể hiện trên họa đồ hiện trạng quyền sử dụng đất kèm theo.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T tự nguyện tháo dỡ, di dời chuồng trại đã xây dựng trên thửa đất số 184B, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị Q được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 131469, số vào sổ cấp GCN CS02914 ngày 18/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Phạm Thị Q theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, định giá tài sản, trích lục hồ sơ cấp đất là 1.836.000 đồng, chị Phạm Thị Q phải chịu 918.000 đồng, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T phải liên đới chịu 918.000 đồng. Do chị Phạm Thị Q đã nộp tiền tạm ứng chi phí là 1.836.000 đồng nên ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Q 918.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, chị Phạm Thị Q phải nộp 75.000 đồng, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T phải liên đới nộp 75.000 đồng. Chị Phạm Thị Q là cá nhân thuộc hộ nghèo thuộc trường hợp miễn nộp án phí và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp số tiền án phí 75.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đỉnh